

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 5 - 2021

V/v “Ly hôn và Tranh chấp về
nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Quyến;
2. Ông Nguyễn Thế Tự.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2021/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn và Tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2021/QĐXXST-HN, ngày 13 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-HN, ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Lê Thị Mộng Th**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Thị Mộng Th (sau đây gọi chị Th) trình bày: giữa chị và bị đơn Nguyễn Minh T (sau đây gọi anh T) qua tìm hiểu nhau và tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng

bất đồng quan điểm sống nên hay cãi vã nhau, nhiều lần hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không đoàn tụ được nên đã sống ly thân từ năm 2019. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh T.

-Về con chung: có một người con tên Nguyễn Duy K (nam), sinh ngày 18 tháng 9 năm 2008, từ khi ly thân thì con chung sống với tôi, khi ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi con, chưa yêu cầu cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Minh T thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, thời gian ly thân, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn thừa nhận vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay cãi vã nhau, do cuộc sống chung không hạnh phúc nên cũng đồng ý ly hôn,

-Về con chung, anh T yêu cầu được nuôi con chưa yêu cầu cấp dưỡng vì hiện tại con tôi đi theo mẹ nó là ở Bình Dương không được học hành nên tôi yêu cầu được nuôi để cho cháu đi học.

-Về nợ và tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 06 tháng 4 năm 2021, cháu Nguyễn Duy K trình bày (có sự chứng kiến của anh T, chị Th) : khi cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: về thủ tục tố tụng: Tòa án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn: cho ly hôn; giao con chung cho nguyên đơn nuôi, bị đơn chưa cấp dưỡng; về nợ và tài sản chung, không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là Ly hôn và Tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh Nguyễn Minh T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vắng mặt không lý do nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở

ngại khách quan; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh T.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: chị Th và anh T qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới đời sống hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 11 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Phương Phú, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Th: chị và anh T trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng không tìm được giải pháp khắc phục để hoà giải hàn gắn tình cảm mà chọn cách sống ly thân, trong quá trình giải quyết cả anh và chị đều xác định chung sống không hạnh phúc và đều đồng ý ly hôn; căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

[5] Về con chung: có một người con chung, anh chị có tranh chấp về quyền nuôi con. Xét cả anh và chị đều có tình cảm thiêng liêng giành cho con, cả hai đều có đủ điều kiện nuôi con chung. Tuy nhiên, xét cháu K, từ khi ly thân đến nay cháu sống với chị Th, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình: Nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên, khi giao cho ai nuôi cần xem xét đến nguyện vọng của con. Ngoài ra, cũng không có căn cứ nào chứng minh là chị Th không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Đồng thời, cháu K đã quen gần gũi bên mẹ, nhằm tránh gây xáo trộn đời sống của cháu, để cháu được phát triển như bao đứa trẻ khác, cần tiếp tục giao cháu cho chị Th được trực tiếp nuôi dưỡng và nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc khi chị Th, anh T có yêu cầu khác.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị Th chưa ai yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh anh T mà không ai có quyền cản trở.

[7] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Mộng Th và anh Nguyễn Minh T.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Nguyễn Duy K (nam), sinh ngày 18 tháng 9 năm 2008 cho chị Lê Thị Mộng Th được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi anh T, chị Th có yêu cầu khác.

Anh Nguyễn Minh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho anh Nguyễn Minh T mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị Mộng Th phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008682, ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THADS huyện PH;
- UBND xã P, h.H, tỉnh Hậu Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm